

THÔNG TƯ

**Hướng dẫn giám sát giao dịch chứng khoán
trên thị trường chứng khoán**

Căn cứ Luật Chứng khoán ngày 26 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Nghị định số 87/2017/NĐ-CP ngày 26 tháng 7 năm 2017 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Tài chính;

Theo đề nghị của Chủ tịch Ủy ban Chứng khoán Nhà nước;

Bộ trưởng Bộ Tài chính ban hành Thông tư hướng dẫn giám sát giao dịch chứng khoán trên thị trường chứng khoán.

Chương I

QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Thông tư này hướng dẫn hoạt động giám sát giao dịch chứng khoán niêm yết, đăng ký giao dịch trên thị trường chứng khoán.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

Thông tư này áp dụng đối với các chủ thể giám sát và đối tượng giám sát sau đây:

1. Chủ thể giám sát:

- a) Ủy ban Chứng khoán Nhà nước;
- b) Sở giao dịch chứng khoán Việt Nam;
- c) Các công ty con của Sở giao dịch chứng khoán Việt Nam bao gồm Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội, Sở giao dịch chứng khoán thành phố Hồ Chí Minh (sau đây gọi chung là Sở giao dịch chứng khoán);
- d) Tổng Công ty lưu ký và bù trừ chứng khoán Việt Nam;
- đ) Thành viên giao dịch (không bao gồm thành viên giao dịch đặc biệt trên thị trường chứng khoán phái sinh và thị trường trái phiếu Chính phủ).

2. Đối tượng giám sát là các tổ chức, cá nhân tham gia vào quá trình giao dịch, cung cấp các dịch vụ liên quan đến giao dịch chứng khoán trên thị trường chứng khoán, gồm:

- a) Tổ chức niêm yết, tổ chức đăng ký giao dịch;
- b) Thành viên giao dịch, thành viên giao dịch đặc biệt;
- c) Thành viên của Tổng Công ty lưu ký và bù trừ chứng khoán Việt Nam bao gồm thành viên lưu ký và thành viên bù trừ;
- d) Công ty quản lý quỹ đầu tư chứng khoán, quỹ đầu tư chứng khoán, công ty đầu tư chứng khoán;
- đ) Sở giao dịch chứng khoán, Tổng công ty lưu ký và bù trừ chứng khoán Việt Nam khi tham gia cung cấp các dịch vụ liên quan đến giao dịch, bù trừ, thanh toán chứng khoán;
- e) Nhà đầu tư tham gia giao dịch chứng khoán;
- g) Ngân hàng giám sát, ngân hàng thương mại cung cấp dịch vụ mở tài khoản tiền gửi đầu tư chứng khoán;
- h) Các đối tượng khác có liên quan.

Điều 3. Giải thích từ ngữ

Trong Thông tư này, các từ ngữ sau đây được hiểu như sau:

1. *Giao dịch chứng khoán* là việc mua, bán chứng khoán thực hiện qua hệ thống giao dịch chứng khoán của Sở giao dịch chứng khoán.
2. *Giao dịch bất thường* là các giao dịch chạm vào các tiêu chí cảnh báo của hệ thống tiêu chí giám sát do Sở giao dịch chứng khoán Việt Nam ban hành.
3. *Giao dịch nghi vấn* là giao dịch bất thường được Sở giao dịch chứng khoán phân tích, xác định là giao dịch có nghi vấn tác động đến diễn biến giá, khối lượng của một hoặc nhiều chứng khoán trong một giai đoạn nhất định, có khả năng vi phạm quy định của pháp luật về giao dịch chứng khoán.
4. *Giao dịch vi phạm* là các giao dịch được Ủy ban Chứng khoán Nhà nước xác định là vi phạm quy định của pháp luật về giao dịch chứng khoán.
5. *Chỉ tiêu báo cáo giám sát giao dịch áp dụng cho thành viên giao dịch* là nội dung do Sở giao dịch chứng khoán Việt Nam xây dựng, hướng dẫn thành viên giao dịch triển khai hoạt động giám sát giao dịch chứng khoán.
6. *Tin đồn* là thông tin có thực hoặc không có thực, chưa có căn cứ để kiểm chứng tại thời điểm phát tin liên quan đến tổ chức niêm yết, tổ chức đăng ký giao dịch, chứng khoán hoặc giao dịch chứng khoán diễn ra trên thị trường chứng khoán.

Chương II

TỔ CHỨC CÔNG TÁC GIÁM SÁT GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN

Mục 1

GIÁM SÁT GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN CỦA ỦY BAN CHỨNG KHOÁN NHÀ NƯỚC

Điều 4. Trách nhiệm và quyền hạn của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước

1. Giám sát các hoạt động giao dịch chứng khoán trên thị trường chứng khoán nhằm phát hiện, ngăn ngừa, xử lý các hành vi sử dụng thông tin nội bộ trong mua bán chứng khoán, thao túng thị trường chứng khoán và các hành vi vi phạm quy định pháp luật về giao dịch chứng khoán.

2. Yêu cầu các đối tượng giám sát báo cáo, giải trình, cung cấp thông tin, tài liệu liên quan đến giao dịch chứng khoán.

3. Giám sát nhà đầu tư trong việc tuân thủ các quy định của pháp luật về giao dịch chứng khoán.

4. Đưa ra cảnh báo đối với các giao dịch và hành vi có dấu hiệu vi phạm pháp luật nhằm ngăn ngừa hành vi vi phạm pháp luật trong giao dịch chứng khoán của đối tượng giám sát.

5. Phê duyệt tiêu chí giám sát giao dịch chứng khoán, chỉ tiêu báo cáo giám sát giao dịch áp dụng cho thành viên giao dịch do Sở giao dịch chứng khoán Việt Nam xây dựng; Phê duyệt giới hạn vị thế áp dụng cho thị trường phái sinh; phương pháp mức tính toán ký quỹ yêu cầu, các ngưỡng giám sát tỷ lệ sử dụng tài sản ký quỹ hoặc tần suất giám sát việc nộp ký quỹ theo yêu cầu do Tổng công ty lưu ký và bù trừ chứng khoán Việt Nam xây dựng.

6. Ban hành quy chế phối hợp giám sát giao dịch chứng khoán giữa Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, Sở giao dịch chứng khoán Việt Nam và các công ty con, Tổng công ty lưu ký và bù trừ chứng khoán Việt Nam, thành viên giao dịch.

7. Chủ trì, phối hợp với các đơn vị liên quan trong việc thanh tra, kiểm tra hoạt động giao dịch chứng khoán và cung cấp dịch vụ liên quan đến giao dịch chứng khoán.

8. Theo yêu cầu của Bộ Tài chính, Ủy ban Chứng khoán Nhà nước báo cáo Bộ Tài chính về kết quả thực hiện công tác giám sát giao dịch chứng khoán.

Điều 5. Nội dung giám sát của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước

Nội dung giám sát của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước bao gồm:

1. Trên cơ sở báo cáo của các thành viên giao dịch, Sở giao dịch chứng khoán Việt Nam và các công ty con, Tổng công ty lưu ký và bù trừ chứng

khoán Việt Nam, kết quả giám sát tại Ủy ban Chứng khoán Nhà nước và các nguồn thông tin khác, Ủy ban Chứng khoán Nhà nước tiến hành phân tích, làm rõ dấu hiệu vi phạm quy định pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán đối với giao dịch nghi vấn để có biện pháp ngăn chặn, xử lý theo quy định.

2. Giám sát hoạt động của Sở giao dịch chứng khoán Việt Nam và các công ty con trong việc tổ chức và giám sát giao dịch chứng khoán tại từng khu vực thị trường được giao quản lý, vận hành theo quy định tại Mục 2 Chương này.

3. Giám sát hoạt động của Tổng công ty lưu ký và bù trừ chứng khoán Việt Nam trong việc quản lý giới hạn vị thế áp dụng trên thị trường chứng khoán phái sinh, giám sát tỷ lệ sử dụng tài sản ký quỹ hoặc việc nộp ký quỹ yêu cầu theo quy định tại Mục 3 Chương này.

4. Chủ trì, phối hợp với Sở giao dịch chứng khoán Việt Nam và các công ty con, thành viên giao dịch, Tổng công ty lưu ký và bù trừ chứng khoán Việt Nam phân tích làm rõ các giao dịch có khả năng tác động đến thị trường chứng khoán, đảm bảo quyền và lợi ích hợp pháp của các nhà đầu tư, đảm bảo tính ổn định của thị trường.

5. Giám sát việc cung cấp dịch vụ liên quan đến giao dịch chứng khoán của các đối tượng quy định tại điểm b, c, d, đ, g, h khoản 2 Điều 2 Thông tư này.

Điều 6. Phương thức giám sát giao dịch chứng khoán của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước

1. Giám sát giao dịch chứng khoán dựa trên thông tin từ các nguồn:

a) Báo cáo giám sát của Sở giao dịch chứng khoán Việt Nam và các công ty con, thành viên giao dịch, Tổng công ty lưu ký và bù trừ chứng khoán Việt Nam, thành viên của Tổng công ty lưu ký và bù trừ chứng khoán Việt Nam;

b) Báo cáo của các tổ chức niêm yết, tổ chức đăng ký giao dịch;

c) Báo cáo, thông tin phản ánh của các tổ chức, cá nhân tham gia giao dịch trên thị trường chứng khoán;

d) Các nguồn tin trên các phương tiện thông tin đại chúng, tin đồn liên quan đến giao dịch chứng khoán;

đ) Các nguồn thông tin khác.

2. Căn cứ báo cáo, thông tin nêu tại khoản 1 Điều này, dữ liệu giao dịch do Sở giao dịch chứng khoán Việt Nam và công ty con, Tổng công ty lưu ký và bù trừ chứng khoán Việt Nam cung cấp, Ủy ban Chứng khoán Nhà nước phân tích, làm rõ các giao dịch có dấu hiệu vi phạm pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán.

3. Kiểm tra bất thường các đối tượng giám sát thông qua việc phát hiện các giao dịch nghi vấn theo báo cáo của Sở giao dịch chứng khoán Việt Nam và công ty con, thành viên giao dịch, Tổng công ty lưu ký và bù trừ chứng khoán Việt Nam, thành viên của Tổng công ty lưu ký và bù trừ chứng khoán Việt Nam và của các tổ chức, cá nhân tham gia giao dịch, cung cấp các dịch vụ giao dịch chứng khoán trên thị trường chứng khoán.

Mục 2

GIÁM SÁT GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN CỦA SỞ GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN VIỆT NAM VÀ CÁC CÔNG TY CON

Điều 7. Quyền và nghĩa vụ của Sở giao dịch chứng khoán Việt Nam và các công ty con

1. Quyền và nghĩa vụ của Sở giao dịch chứng khoán Việt Nam

a) Ban hành Quy chế nghiệp vụ triển khai công tác giám sát giao dịch chứng khoán sau khi được Ủy ban Chứng khoán Nhà nước chấp thuận; xây dựng quy trình giám sát để đảm bảo thực hiện công tác giám sát có hiệu quả;

b) Chịu trách nhiệm giám sát chung hoạt động giao dịch chứng khoán trên thị trường chứng khoán;

c) Ban hành tiêu chí giám sát giao dịch chứng khoán áp dụng tại các công ty con, chỉ tiêu báo cáo giám sát giao dịch áp dụng cho thành viên giao dịch;

d) Báo cáo Ủy ban Chứng khoán Nhà nước kết quả thực hiện công tác giám sát giao dịch.

2. Quyền và nghĩa vụ của các Sở giao dịch chứng khoán là công ty con của Sở giao dịch chứng khoán Việt Nam

a) Giám sát trực tiếp hoạt động giao dịch chứng khoán tại từng khu vực thị trường được giao quản lý, vận hành;

b) Xây dựng hệ thống cơ sở dữ liệu phục vụ công tác giám sát giao dịch chứng khoán quy định tại Điều 11 Thông tư này;

c) Giám sát diễn biến các giao dịch trong ngày, nhiều ngày, định kỳ; phân tích, đánh giá và chịu trách nhiệm xác định các giao dịch nghi vấn có khả năng vi phạm pháp luật về giao dịch chứng khoán;

d) Rà soát các thông tin trên phương tiện thông tin đại chúng, tin đồn liên quan đến các giao dịch bất thường;

đ) Giám sát việc công bố thông tin và chế độ báo cáo theo quy định hiện hành liên quan đến giao dịch chứng khoán của thành viên giao dịch, tổ chức niêm yết, tổ chức đăng ký giao dịch, công ty quản lý quỹ đầu tư chứng khoán, quỹ đầu tư chứng khoán, công ty đầu tư chứng khoán, nhà đầu tư;